

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Qua nhiều năm hình thành và phát triển NHTMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Đà Nẵng đã không ngừng đổi mới cả về chất và lượng góp phần không nhỏ vào sự đổi mới của hệ thống ngân hàng Công thương và sự phát triển của thành phố Đà Nẵng. Tuy nhiên hoạt động tín dụng của chi nhánh vẫn còn tiềm ẩn những rủi ro nhất định, thể hiện ở khía cạnh nợ xấu. Vì vậy, yêu cầu phải hạn chế đến mức thấp nhất nợ xấu là mục tiêu hàng đầu trong công tác quản trị tín dụng nói riêng cũng như điều hành kinh doanh tại NHTMCP Công thương chi nhánh Đà Nẵng nói chung.

Xuất phát từ những lý do nêu trên, tác giả quyết định chọn đề tài **“Giải pháp phòng ngừa và xử lý nợ xấu tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh Đà Nẵng”** như một đóng góp vào công tác quản lý nợ xấu tại ngân hàng.

2. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài

- Hệ thống hóa, tổng hợp và phân tích những vấn đề lý luận liên quan đến nợ xấu, phòng ngừa và xử lý nợ xấu.

- Khảo sát, phân tích, đánh giá thực trạng phòng ngừa và xử lý nợ xấu tại NHTMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Đà Nẵng trong thời gian qua.

- Đề xuất hệ thống các giải pháp khả thi nhằm hoàn thiện công tác phòng ngừa và xử lý nợ xấu tại NHTMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Đà Nẵng.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: những vấn đề lý luận và thực tiễn về rủi ro tín dụng; thực trạng công tác phòng ngừa và xử lý nợ xấu tại

NHTMCP Công thương chi nhánh Đà Nẵng, tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến rủi ro nợ xấu, từ đó đưa ra các giải pháp nhằm phòng ngừa và xử lý nợ xấu.

- Phạm vi nghiên cứu:

+ Về nội dung: tập trung vào nội dung phòng ngừa và xử lý nợ xấu, không bao gồm tất cả các vấn đề về quản trị rủi ro tín dụng.

+ Nghiên cứu và thu thập số liệu về công tác phòng ngừa và xử lý nợ xấu tại NHTMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Đà Nẵng trong khoảng thời gian từ năm 2009 đến năm 2011.

4. Phương pháp nghiên cứu

Các phương pháp cụ thể là: phương pháp tổng hợp, thông kê, phân tích điển giải và quy nạp để làm sáng tỏ vấn đề nghiên cứu.

5. Câu hỏi nghiên cứu

- Nợ xấu là gì? Nội dung phòng ngừa và xử lý nợ xấu? Tiêu chí đánh giá kết quả phòng ngừa và xử lý nợ xấu?

- Các nhân tố ảnh hưởng đến công tác phòng ngừa và xử lý nợ xấu?

- Thực trạng công tác quản lý nợ xấu tại NHTMCP Công thương chi nhánh Đà Nẵng trong những năm 2009-2011? Những phương pháp quản lý nợ xấu nào đang được sử dụng? Tính hiệu quả của các phương pháp này? Những hạn chế và nguyên nhân trong việc áp dụng các phương pháp phòng ngừa và xử lý nợ xấu tại NHTMCP Công thương chi nhánh Đà Nẵng trong những năm qua?

- Các giải pháp nào mà NHTMCP Công thương – CN Đà Nẵng cần thực hiện nhằm phòng ngừa và xử lý nợ xấu.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

- Hệ thống hóa và tổng kết những lý luận cơ bản về phòng ngừa và xử lý nợ xấu trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại.

- Đánh giá thực trạng về trạng công tác phòng ngừa và xử lý nợ xấu; phân tích các nguyên nhân dẫn đến nợ xấu tại NHTMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Đà Nẵng.

- Đề xuất các giải pháp nhằm phòng ngừa và xử lý nợ xấu tại NHTMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Đà Nẵng.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, luận văn gồm 3 chương:

- Chương 1: Cơ sở lý luận về phòng ngừa và xử lý nợ xấu trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại.

- Chương 2: Thực trạng công tác phòng ngừa và xử lý nợ xấu tại NHTMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Đà Nẵng.

- Chương 3: Giải pháp phòng ngừa và xử lý nợ xấu tại NHTMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Đà Nẵng.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÒNG NGỪA VÀ XỬ LÝ NỢ XẤU TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1. RỦI RO TÍN DỤNG VÀ NỢ XẤU TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1.1. Rủi ro tín dụng

1.1.1.1 Khái niệm về rủi ro tín dụng

Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/4/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước: “*Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra*

tổn thất trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết”.

1.1.1.2. Phân loại rủi ro tín dụng

➤ Căn cứ vào nguyên nhân phát sinh rủi ro, phân chia thành 2 loại:

- Rủi ro nguyên nhân khách quan và rủi ro chủ quan.

➤ Căn cứ vào tính chất của rủi ro tín dụng, phân chia thành hai loại:

- Rủi ro đặc thù và rủi ro hệ thống.

1.1.1.3. Đặc điểm của rủi ro tín dụng

➤ *Rủi ro tín dụng mang tính gián tiếp.*

➤ *Rủi ro tín dụng có tính chất đa dạng, phức tạp.*

➤ *Rủi ro tín dụng có tính chất tất yếu luôn tồn tại và gắn liền với hoạt động tín dụng của Ngân hàng.*

1.1.2. Nợ xấu trong hoạt động cấp tín dụng của NH

1.1.2.1. Khái niệm về nợ xấu (NPLs)

Theo định nghĩa chính thức của IMF, một khoản nợ được coi là xấu khi việc chi trả tiền lãi và gốc quá hạn 90 ngày hoặc hơn, hoặc ít nhất 90 ngày kể từ ngày tiền lãi đã được vốn hóa (capitalized), hoặc nợ được gia hạn hoặc việc thanh toán dòng tiền trễ hạn dưới 90 ngày nhưng có những lý do xác đáng đề nghị ngờ khả năng thanh toán đầy đủ.

Ở Việt Nam, dư nợ theo Khoản 4 Điều 2 của Quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để XLRR tín dụng trong hoạt động ngân hàng của TCTD ban hành kèm theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/4/2005 của NHNN Việt Nam bao gồm

“các khoản cho vay, ứng trước, thấu chi, cho thuê tài chính, chiết khấu, tái chiết khấu thương phiếu và giấy tờ có giá khác, bao thanh toán và các hình thức tín dụng khác”.

Nợ xấu theo Khoản 6 Điều 2 của Quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để XLRR tín dụng trong hoạt động ngân hàng của TCTD ban hành kèm theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/4/2005 của NHNN Việt Nam *“là các khoản nợ thuộc các nhóm nợ dưới tiêu chuẩn (nhóm 3), nợ nghi ngờ (nhóm 4) và nợ có khả năng mất vốn (nhóm 5)”*

Nợ xấu theo quy định tại Quyết định 493 và Quyết định 18 được xác định theo các yếu tố: đã quá hạn trên 90 ngày, nợ cơ cấu lại thời gian trả nợ hoặc có các nhân tố khác làm ảnh hưởng đến khả năng thu hồi nợ gốc, lãi.

Theo thông lệ quốc tế, việc phân loại nợ xấu bao gồm những khoản nợ được đánh giá là nợ dưới tiêu chuẩn, nợ khó đòi và nợ có khả năng mất vốn.

1.1.2.2. Các tiêu chí để nhận biết nợ xấu

a. *Tiêu chí định lượng:* Theo thông lệ quốc tế, nếu áp dụng phương pháp này, các khoản nợ được xếp vào một trong năm nhóm sau:

- *Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn, nợ tốt*
- *Nhóm 2 - Nợ cần chú ý.*
- *Nhóm 3 - Nợ dưới tiêu chuẩn.*
- *Nhóm 4 - Nợ nghi ngờ.*
- *Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn.*

Theo tiêu chí định lượng, các khoản nợ được xếp vào nhóm 3, 4 và 5 được xác định là các khoản nợ xấu.

b. *Tiêu chí định tính*: Là tiêu chí được việc các NHTM sử dụng để phân tích, đánh giá khoản nợ dựa trên cơ sở khả năng trả nợ của khách hàng một cách toàn diện.

1.2. PHÒNG NGỪA VÀ XỬ LÝ NỢ XẤU TRONG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.2.1. Nội dung phòng ngừa và xử lý nợ xấu trong Ngân hàng thương mại

Phòng ngừa nợ xấu trong NHTM là tổng thể hoạt động của ngân hàng nhằm làm giảm thiểu việc phát sinh nợ xấu hay khả năng xuất hiện nợ xấu thông qua vận dụng các công cụ, biện pháp trước, trong và sau quá trình cấp tín dụng.

1.2.1.1. Phòng ngừa nợ xấu

- Phòng ngừa nợ xấu thông qua việc trích lập dự phòng.

- Phòng ngừa nợ xấu thông qua việc mở rộng các nghiệp vụ phái sinh, nghiệp vụ chứng khoán hoá bằng tổng kết tài sản của ngân hàng:

+ Chứng khoán hoá các khoản cho vay và các tài sản khác:

+ Các công cụ tín dụng phái sinh:

Hợp đồng trao đổi tín dụng

Hợp đồng quyền tín dụng

Hợp đồng trao đổi các khoản tín dụng rủi ro

Trái phiếu ràng buộc

- Phòng ngừa rủi ro thông qua việc thực hiện tốt quy trình tín dụng nhằm tránh các khoản nợ xấu bằng cách từ chối cấp hạn mức tín dụng nếu thấy khách hàng có rủi ro mất khả năng thanh toán, lập

dự phòng về các tổn thất liên quan đến các khoản nợ xấu dựa trên đánh giá và xem xét lại khoản vay theo định kỳ, đảm bảo mức độ đầy đủ vốn đối với các khoản nợ xấu để thực hiện các yêu cầu về an toàn vốn theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng hệ thống cảnh báo sớm các khoản nợ xấu phát sinh bao gồm các thủ tục và quy trình thích hợp để xây dựng một hệ thống cảnh báo toàn diện.

1.2.1.2. Xử lý nợ xấu trong ngân hàng thương mại

Những phản ứng của ngân hàng được thể hiện qua các bước sau:

- *Bước 1: Đánh giá khả năng trả nợ*
- *Bước 2: Đánh giá khả năng tồn tại.*
- *Bước 3: Biện pháp xử lý*
- *Bước 4: Phê duyệt của lãnh đạo ngân hàng*
- *Bước 5: Giám sát và kiểm soát.*
- *Bước 6: Thu nợ.*

1.2.2. Tiêu chí đánh giá kết quả phòng ngừa và xử lý nợ xấu

1.2.2.1. Tiêu chí đánh giá phòng ngừa nợ xấu

- a. Sự thay đổi trong cơ cấu các nhóm nợ trong nợ xấu*
- b. Mức giảm tỷ lệ nợ xấu*

1.2.2.2. Tiêu chí đánh giá công tác xử lý nợ xấu

- a. Mức giảm tỷ lệ xóa nợ ròng/tổng dư nợ xấu*
- b. Tỷ lệ các khoản nợ xấu đã thu hồi được/tổng dư nợ xấu*
- c. Tỷ lệ các khoản nợ xấu đã tái cấu trúc/tổng dư nợ*

1.2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động phòng ngừa và xử lý nợ xấu

1.2.3.1. Nhóm nhân tố môi trường bên ngoài ngân hàng

- Môi trường kinh tế.; môi trường pháp lý; môi trường tự nhiên.

1.2.3.2 Nhóm nhân tố nội tại ngân hàng

- Chiến lược kinh doanh nói chung, kinh doanh tín dụng nói riêng của Ngân hàng.

- Chính sách tín dụng của ngân hàng

- Các nguồn lực của Ngân hàng: như nguồn nhân lực, tài chính còn hạn chế.

- Năng lực quản trị rủi ro của Ngân hàng

- Nạn tham nhũng, hối lộ trong hoạt động ngân hàng.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC PHÒNG NGỪA VÀ XỬ LÝ NỢ XẤU TẠI NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM CN ĐÀ NẴNG

2.1. KHÁI QUÁT NHTMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

Tháng 11/1988, theo Nghị Định 53/HĐBT về chuyển đổi hệ thống ngân hàng thành hai cấp độ là hệ thống Ngân hàng Nhà nước và hệ thống Ngân hàng thương mại, Ngân Hàng Công thương được thành lập cùng với những chi nhánh của mình. Năm 1991, Ngân hàng Công thương Việt Nam tại tỉnh Quảng Nam đổi tên thành Ngân hàng Công thương Quảng Nam - Đà Nẵng.

Ngày 01/01/1997, sau sự kiện chia tách tỉnh, Chi nhánh Ngân hàng Công thương Quảng Nam - Đà Nẵng được tách thành Chi nhánh thành phố Đà Nẵng và Chi nhánh tỉnh Quảng Nam.

Ngày 03/07/2009, NHNN nước ký quyết định số 14/GP-NHNN thành lập và hoạt động Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, do vậy chi nhánh NH Công Thương Đà Nẵng được đổi thành CN NH TMCP Công Thương Đà Nẵng.

2.1.2 Mô hình tổ chức

Trước năm 2005 NHCT Đà Nẵng có cơ cấu tổ chức gồm hội sở, 2 chi nhánh cấp II (Chi nhánh NHCT Quận Ngũ Hành Sơn, NHCT Quận Liên Chiểu), 1 phòng giao dịch và 11 điểm giao dịch. Năm 2005, triển khai hiện đại hóa ngân hàng và hệ thống thanh toán INCAS (Incobank Advanced System). Đầu năm 2007, chi nhánh chuyển đổi sang mô hình một cấp trực thuộc trụ sở chính NHCT Việt Nam, tách hai chi nhánh cấp II, chỉ còn lại hội sở trực thuộc NHCT VN. Hiện nay, CN gồm 8 phòng chuyên đề, 11 phòng giao dịch.

NHCT Đà Nẵng thực hiện các dịch vụ tài chính chủ yếu: tiền gửi, thanh toán trong và ngoài nước, cho vay, bảo lãnh và tái bảo lãnh, tài trợ thương mại, chuyển tiền, phát hành và thanh toán thẻ, các loại thẻ tín dụng quốc tế, thẻ nội địa, kinh doanh ngoại hối, chứng khoán...

2.1.3. Khái quát về hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Đà Nẵng qua các năm 2009-2011.

2.1.3.1 Huy động vốn

Nguồn vốn huy động của chi nhánh qua các năm đều tăng trưởng khá, tăng trên 20%, năm 2011 tăng đến 35,94% so với năm 2010. Trong công tác huy động vốn nguồn vốn huy động từ cá nhân chiếm tỷ trọng trên 50% tổng nguồn vốn huy động của chi nhánh qua các năm và tăng đáng kể 190 tỷ đồng tỷ lệ tăng 29,55% năm 2010

và tăng 334 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ tăng 40% năm 2011 điều này cho thấy nguồn vốn huy động từ dân cư tăng tương đối ổn định và đạt hiệu quả.

2.1.3.2 Hoạt động tín dụng

Hoạt động tín dụng của chi nhánh tăng trưởng đều qua các năm, năm sau tăng trưởng cao hơn năm trước và phù hợp với định hướng NHNN quy định.

Tăng trưởng tín dụng năm 2010 đạt gần 34% so với năm 2009; nhưng đến năm 2011 tỷ lệ tăng trưởng tín dụng chậm lại do chi nhánh thực hiện chủ trương của NHNN và NHTMCP Công thương Việt Nam về công tác hạn chế tăng trưởng tín dụng để thực thi chính sách tiền tệ thắt chặt chống lạm phát.

2.1.2.3 Các hoạt động khác

Thu nhập từ hoạt động dịch vụ của chi nhánh tăng trưởng cao qua các năm, với tỷ lệ tăng trưởng trên 70%/ năm, đây là tỷ lệ tăng trưởng thu dịch vụ khá ấn tượng đối với hoạt động ngân hàng.

2.1.2.4 Kết quả hoạt động kinh doanh của NHTMCP Công thương CN Đà Nẵng

Lợi nhuận qua các năm của chi nhánh đạt khá, năm sau cao hơn năm trước, đặc biệt trong năm 2010 chi nhánh đạt mức tăng trưởng lợi nhuận 164.49% với số tiền 48,690 triệu đồng; năm 2011 tuy mức tăng trưởng không cao nhưng số tiền lợi nhuận tuyệt đối đạt 58,794 triệu đồng.

2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC PHÒNG NGỪA VÀ XỬ LÝ NỢ XẤU TẠI NHTMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG QUA CÁC NĂM 2009-2011

2.2.1. Thực trạng công tác phòng ngừa nợ xấu tại NHTMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Đà Nẵng

2.2.1.1. Những biện pháp NHTMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Đà Nẵng đã thực hiện để phòng ngừa nợ xấu

a. Quan tâm xây dựng và hoàn thiện chiến lược quản lý rủi ro

Ngân hàng đã xây dựng chiến lược quản lý rủi ro phù hợp với chiến lược kinh doanh của bản thân ngân hàng trong từng thời kỳ và có thể được điều chỉnh một cách linh hoạt tùy theo diễn biến thị trường tín dụng. Ngoài ra Ngân hàng cũng chú trọng đến việc đa dạng hóa danh mục tín dụng trên cơ sở phân bổ hợp lý các nguồn vốn cũng như chi phí quản lý rủi ro sẽ được hình thành trên cơ sở là một bộ phận hữu cơ phù hợp và gắn chặt với chiến lược kinh doanh tổng thể của ngân hàng.

b. Xây dựng và thực hiện nghiêm quy trình quản lý tín dụng

c. Thường xuyên chú trọng nâng cao chất lượng của khâu thẩm định tín dụng nhằm sàng lọc, lựa chọn khách hàng vay vốn mới.

d. Thực hiện chương trình kiểm tra, giám sát hoạt động tín dụng

2.2.1.2 Đánh giá kết quả công tác phòng ngừa nợ xấu tại NHTMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Đà Nẵng qua các năm 2009-2011.

a. Tình hình nợ xấu theo nhóm .

b. Tình hình giảm nợ xấu qua các năm 2009-2011 .

c. Tình hình nợ xấu theo đối tượng vay vốn qua các năm 2009-2011 .

d. Tình hình nợ xấu theo thời hạn vay vốn qua các năm 2009-2011

2.2.2. Thực trạng công tác xử lý nợ xấu tại NHTMCP Công thương VN chi nhánh Đà Nẵng

2.2.2.1. Các giải pháp đã thực hiện liên quan đến công tác xử lý nợ xấu đã triển khai tại NH trong thời gian qua

a. Xây dựng phương án xử lý nợ xấu

Các phương án được xây dựng chi tiết theo từng khoản vay, từng khách hàng và phân thành từng nhóm biện pháp xử lý cụ thể, nhờ đó NH có thể chủ động triển khai chỉ đạo xử lý nợ xấu, dễ dàng theo dõi, đôn đốc quá trình xử lý nợ, giúp cho việc tổng hợp, báo cáo kết quả xử lý nợ được thuận tiện.

b. Các biện pháp xử lý nợ xấu đã triển khai tại Chi nhánh

- Thu hồi trực tiếp và phát mãi tài sản đảm bảo nợ vay
- Áp dụng biện pháp cơ cấu lại nợ
- Xử lý nợ xấu từ dự phòng rủi ro tín dụng

Quy trình xử lý nợ xấu bằng dự phòng rủi ro tại chi nhánh gồm 3 bước:

- *Bước 1:* Cán bộ quản lý tín dụng có trách nhiệm kiểm tra, nghiên cứu tham mưu đề xuất danh mục các khoản vay đề nghị xử lý, các biện pháp xử lý và lập tờ trình Trưởng phòng.

- *Bước 2:* Trưởng phòng xem xét tờ trình của cán bộ quản lý tín dụng nêu đồng ý với quan điểm của cán bộ quản lý tín dụng thì ký, nếu không đồng ý thì ghi rõ quan điểm của mình và ký để báo cáo Giám đốc chi nhánh và thông qua Hội đồng xử lý rủi ro của chi nhánh (trước mắt là Hội đồng tín dụng).

- *Bước 3*: Hội đồng xử lý rủi ro chi nhánh xem xét danh mục xử lý đề trình NHTMCP Công thương Việt Nam quyết định.

2.2.2.2 Kết quả xử lý nợ xấu

a. *Tỷ lệ xóa nợ ròn/ dư nợ xấu*

b. *Kết quả thu hồi nợ xấu của Chi nhánh*

2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG KẾT QUẢ PHÒNG NGỪA VÀ XỬ LÝ NỢ XẤU TẠI NHTMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

2.3.1. Những kết quả đạt được

- Trong thời gian qua Ban lãnh đạo NHTMCP Công thương chi nhánh Đà Nẵng đã có sự quan tâm đúng mức, nhận thức được tầm quan trọng của công tác phòng ngừa và xử lý nợ xấu, từng bước đảm bảo an toàn và nâng cao chất lượng tín dụng.

- Hằng tuần, hàng tháng Ngân hàng triển khai tập huấn quy trình nghiệp vụ tín dụng cho tất cả cán bộ tín dụng toàn chi nhánh.

- Áp dụng biện pháp triệt để tuân thủ nghiêm ngặt các vấn đề có tính nguyên tắc trong cấp tín dụng.

- Thường xuyên thực hiện chấm điểm tín dụng khách hàng để có đánh giá khách hàng kịp thời.

- Phân cấp phân quyền hợp lý trong việc cấp tín dụng cho từng phòng ban và các phòng giao dịch trực thuộc.

- Trong công tác xử lý nợ xấu thực hiện các giải pháp hợp lý trên cơ sở phân tích tình hình của từng khách hàng cụ thể.

- Về cơ bản, số tiền trích lập DPRR đã theo kịp mức độ rủi ro gia tăng của các khoản nợ, đảm bảo khả năng bù đắp khi có tổn thất xảy ra. Trích lập và sử dụng dự phòng là một giải pháp tốt cho các chi nhánh trên các mặt: Xử lý nợ xấu và nợ tồn đọng; Nâng cao

chất lượng tín dụng; Lành mạnh hóa tình hình tài chính, nâng cao năng lực cạnh tranh; Phù hợp xu hướng quản trị rủi ro trong hội nhập, là lựa chọn lâu dài cho công tác quản trị rủi ro tại ngân hàng trong thời gian tới.

2.3.2. Những vấn đề còn tồn tại

2.3.2.1 Trong công tác phòng ngừa nợ xấu

- Chi nhánh chưa xây dựng quy trình nhận dạng rủi ro và cảnh báo sớm rủi ro tín dụng; các thông tin về khách hàng chưa được thu thập, cập nhật đầy đủ và kịp thời.

- Chưa chấp hành nghiêm túc quy trình cho vay từ khâu thẩm định đến giải ngân và kiểm soát sau cho vay vẫn còn một số hạn chế.

- Trình độ cán bộ còn nhiều bất cập hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu cạnh tranh hiện nay.

- Việc thực hiện chính sách đảm bảo tiền vay còn nhiều hạn chế.

- Kiểm tra, giám sát tín dụng độc lập chưa phát huy vai trò.

2.3.2.2. Trong công tác xử lý nợ xấu

- Công tác phân loại nợ, trích lập và xử lý rủi ro dự phòng còn chưa được thực hiện tốt do một số nguyên nhân khách quan và chủ quan sau:

Một là, việc trích lập dự phòng do NHNN và NHTMCP CT Việt Nam quy định chỉ trính lập đối với những khoản vay quá hạn; chưa quy định cụ thể và chặt chẽ đối với việc phân tích đánh giá khách hàng mà trích lập dự phòng.

Hai là, do áp lực về chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh của NHTMCP CT Việt Nam giao cho chi nhánh đối với chỉ tiêu lợi nhuận hằng năm nên nếu trích lập dự phòng rủi ro đầy đủ sẽ ảnh

hưởng đến tình hình tài chính, lợi nhuận và thu nhập của cán bộ nên việc trích lập dự phòng tại chi nhánh chưa phản ánh đúng và đủ số dự phòng rủi ro phải trích lập.

- Chưa phân loại nợ đúng theo định kỳ.

- Xử lý, thu hồi nợ xấu đã xử lý rủi ro còn hạn chế; chưa thực hiện dứt điểm phương án thu hồi nợ xấu.

2.3.3. Nguyên nhân những tồn tại

- Một là, NHTMCP Công thương Việt Nam CN Đà Nẵng chưa xây dựng được môi trường kiểm soát mạnh, quy trình và thủ tục kiểm soát chậm đổi mới; việc xây dựng quy chế, quy trình phòng ngừa, giám sát trong quản lý rủi ro tín dụng của NHTMCP CT Việt Nam còn chậm, chi nhánh lúng túng trong việc thực hiện công tác này.

- Hai là, đội ngũ cán bộ tín dụng còn thiếu, trình độ nghiệp vụ chưa cao. Trong khi đó bộ phận kiểm tra giám sát độc lập chưa phát huy được vai trò của mình.

- Ba là, do chạy theo chỉ tiêu lợi nhuận sức ép về chỉ tiêu kế hoạch cho vay bằng mọi giá; trong công tác cho vay chi nhánh thường chỉ dựa trên tên tuổi, uy tín của khách hàng và tài sản bảo đảm nợ vay.

- Bốn là, công tác chỉ đạo giám sát của Ban lãnh đạo chi nhánh trong việc thực hiện theo dõi quản lý nợ, phân loại nợ, trích lập dự phòng chưa kịp thời đầy đủ, kiên quyết và chính xác.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP PHÒNG NGỪA VÀ XỬ LÝ NỢ XẤU TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

3.1. ĐỊNH HƯỚNG VỀ HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG VÀ QUẢN LÝ NỢ XẤU CỦA NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

- Điều chỉnh cơ cấu tài sản nợ - tài sản có theo hướng: tăng hoạt động dịch vụ, hoạt động đầu tư vốn, tăng tín dụng ngắn hạn trong đó tập trung vào tín dụng thương mại xuất nhập khẩu, tín dụng ngoài quốc doanh, tín dụng tiêu dùng....

- Thực hiện nghiêm túc quy trình tín dụng theo hướng dẫn của sổ tay tín dụng trước khi cho vay.

- Thu thập thông tin đầy đủ, thực hiện công tác xếp hạng tín dụng đối với tất cả khách hàng trước khi cấp tín dụng.

- Thực hiện nghiêm túc quy trình, quy chế quản lý rủi ro của NHTMCP Công thương Việt Nam ban hành. Tăng cường năng lực tự kiểm tra giám sát.

- Thực hiện phân loại nợ xấu, phân đầu trích đủ dự phòng rủi ro đối với tín dụng thương mại; tăng cường kiểm soát và hạn chế nợ xấu phát sinh, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ.

3.2 GIẢI PHÁP PHÒNG NGỪA VÀ XỬ LÝ NỢ XẤU TẠI NHTMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM CN ĐÀ NẴNG

3.2.1. Nhóm giải pháp về phòng ngừa nợ xấu

3.2.1.1. Xây dựng mô hình nhận dạng và quy trình cảnh báo sớm rủi ro tín dụng tại chi nhánh

Từ lưu đồ nhận dạng rủi ro tác giả xây dựng quy trình cảnh báo sớm các khoản nợ xấu phát sinh tại NHTMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Đà Nẵng theo các bước sau:

- Giám sát liên tục do cán bộ tín dụng thực hiện
- Rà soát các khoản vay theo lịch trình.
- Kiểm tra, kiểm soát từ bên ngoài.
- Các dấu hiệu cảnh báo khoản nợ xấu phát sinh.
- Xếp hạng tín dụng, báo cáo các khoản vay giảm cấp (xuống hạng) và phương án giảm thiểu rủi ro.

3.2.1.2. Chấp hành đúng quy trình cho vay, tăng cường các biện pháp quản lý và kiểm tra các quy trình trong hoạt động tín dụng

- Thực hiện đúng quy trình cho vay: Thực hiện quy trình thẩm định các dự án đầu tư, phương án sản xuất, kinh doanh dịch vụ đúng theo các điều kiện cho vay; thực hiện thường xuyên việc kiểm tra sau khi cho vay.

- Chi nhánh cần phải giám sát chặt chẽ việc chấp hành đúng quy trình nghiệp vụ cho vay của đội ngũ cán bộ tác nghiệp.

- Thường xuyên cập nhật thông tin về khách hàng;
- Thực hiện việc định kỳ hạn nợ chính xác, phù hợp với chu kỳ sản xuất kinh doanh của khách hàng.

- Thực hiện việc đánh giá, phân loại nợ để định hướng mức độ rủi ro và phải được thực hiện ngay khi xem xét cho vay.

- Thực hiện việc tốt công tác chấm điểm, xếp loại khách hàng.
- Thẩm định chặt chẽ tài sản bảo đảm;
- Kiểm tra giám sát sau khi cho vay;

- Tăng cường tính hiệu quả, hiệu lực của công tác kiểm tra, kiểm soát

3.2.1.3 Nâng cao trình độ nghiệp vụ và tiêu chuẩn hóa cán bộ

Để đảm bảo an toàn tín dụng và phòng ngừa đến mức thấp nhất rủi ro thì đòi hỏi các cán bộ tín dụng phải có trình độ nghiệp vụ cao, có đạo đức tốt, am hiểu thị trường, am hiểu về pháp luật và đặc biệt phải biết yêu nghề. Mỗi cán bộ tín dụng phải có phương pháp tiếp cận khách hàng, thu thập thông tin cần thiết từ bạn hàng, từ hồ sơ vay vốn của khách hàng, từ các tổ chức tín dụng, từ nguồn thông tin của Trung tâm phòng ngừa rủi ro và từ các nguồn thông tin khác trên thị trường...

Phải có nghệ thuật thẩm định khách hàng và làm tốt khâu thẩm định ban đầu, đặc biệt phải quan tâm đến việc điều tra nghiên cứu và phân tích về năng lực sản xuất kinh doanh, năng lực quản lý điều hành của Doanh nghiệp, về phương án sản xuất kinh doanh và khả năng trả nợ cho Ngân hàng.

Phải sử dụng nghệ thuật cho vay tức là thực hiện việc quản lý, giám sát và kiểm tra các khía cạnh vô hình, để xác định khả năng thành công của người vay.

Đối với phân công công việc cho cán bộ tín dụng cần phải giao trách nhiệm cụ thể, gắn trách nhiệm với lợi ích của họ khi hoàn thành công việc. Ngân hàng cần phải có chính sách quản lý cán bộ, khen thưởng đúng mức đối với các cán bộ ngân hàng hoàn thành tốt trách nhiệm, giúp ngân hàng bảo toàn vốn cho vay đồng thời có chế độ kỷ luật nghiêm khắc đối với những người không hoàn thành nhiệm vụ, gây thiệt hại cho ngân hàng.

Việc quản lý cán bộ cần tập trung vào: (i) Đối với lao động mới, khi tuyển dụng ngân hàng cần thực hiện thông báo rộng rãi, minh bạch để có thể thu hút được những cán bộ có tri thức và đạo đức tốt trên cơ sở xây dựng bộ tiêu chuẩn cán bộ tin dụng cho công tác tuyển dụng và bổ nhiệm cán bộ ; (ii) Với đội ngũ lao động hiện có, thường xuyên liên hệ với các ngân hàng bạn, các tổ chức trong và ngoài nước hoặc các trường Đại học để cử cán bộ đi học hoặc mở các lớp chuyên đề nhằm cập nhật kiến thức và nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ; (iii) Bố trí cán bộ theo đúng chuyên môn, nghiệp vụ để có thể phát huy những kiến thức đã học được vào nghiệp vụ chuyên môn được giao.

3.2.1.4. Giải pháp hoàn thiện chính sách đảm bảo nợ vay

Ngân hàng nên áp dụng tài sản bảo đảm tiền vay theo mức độ rủi ro của dự án hoặc phương án sản xuất kinh doanh. Điều này đòi hỏi chi nhánh phải thẩm định chặt chẽ đối với khách hàng vay vốn và dự án hoặc phương án sản xuất kinh doanh. Phải xác định được mức độ rủi ro để có biện pháp bảo đảm tiền vay phù hợp. Ngoài ra, thế chấp được xem là một công cụ quan trọng trong quản lý tiền vay của ngân hàng, giúp cho ngân hàng có khả năng thu hồi nợ vay một khi khách hàng không có khả năng trả nợ.

3.2.1.5. Giải pháp nâng cao vai trò kiểm tra, giám sát tín dụng độc lập

Việc kiểm tra và giám sát tín dụng độc lập cần được thực hiện một cách khách quan theo phương pháp chọn mẫu và phải đảm bảo các yêu cầu:

(i) Kiểm tra, giám sát và đánh giá độc lập tính hiệu quả của quản lý rủi ro tín dụng.

- (ii) Phát hiện các vấn đề và báo cáo kịp thời cho Ban Lãnh đạo.
- (iii) Báo cáo Ban Lãnh đạo những rủi ro đã xuất hiện cũng như rủi ro tiềm ẩn của các khoản cho vay mà chưa được quản lý một cách đầy đủ

Để thực hiện tốt các nội dung trên, đòi hỏi NHTMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Đà Nẵng cần giải quyết tốt những vấn đề sau:

Thứ nhất, NHTMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Đà Nẵng cần xây dựng một hệ thống kiểm soát nội bộ đủ mạnh, theo đó cần tạo môi trường kiểm soát tốt trong nội bộ ngân hàng.

Thứ hai, NHTMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Đà Nẵng cần chú trọng đào tạo chính quy, đào tạo thường xuyên cán bộ làm công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ.

Thứ ba, bộ phận kiểm tra, kiểm soát nội bộ tại NHTMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Đà Nẵng cần được trao quyền độc lập, tự chủ hơn nữa để họ thực thi tốt nhiệm vụ của mình. Đồng thời, bộ phận kiểm tra, kiểm soát nội bộ cần phải được trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc.

3.2.2 Nhóm giải pháp xử lý nợ xấu tại chi nhánh.

3.2.2.1 Giải pháp về phân loại nợ và trích lập xử lý quỹ dự phòng rủi ro

Theo quy định về tỷ lệ trích lập dự phòng đối với các nhóm nợ quy định tại Khoản 6.1 Điều 7, quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/4/2005 của Thống đốc NHNN: Nhóm 1: 0%; Nhóm 2: 5%; Nhóm 3: 20%; Nhóm 4: 50%; Nhóm 5: 100%.

Để việc phân loại nợ và hạch toán nợ đúng bản chất chất lượng tín dụng và phản ánh đúng tình trạng tài chính của khách hàng vay

vốn tác giả đề xuất phương án khi phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro chi nhánh nên tham khảo thêm phương pháp đánh giá thực trạng tình hình của khách hàng vay vốn để đưa ra biện pháp trích lập dự phòng đúng với nguy cơ rủi ro để có thể bù đắp rủi ro khi khách hàng không trả được nợ.

3.2.2.2. Giải pháp xử lý rủi ro tín dụng thông qua các cơ chế của chính phủ và của NHTMCP Công thương Việt Nam

Thực hiện việc xử lý rủi ro theo các chương trình chỉ định của Chính phủ. Các hình thức xử lý như xóa, miễn, khoan, dẫn nợ tùy theo mức độ rủi ro. Chi nhánh cần tiếp tục đề nghị Chính phủ, bộ Tài chính, NHNN hướng dẫn cụ thể việc khoan nợ, dẫn nợ, xóa nợ và trích lập nguồn để xử lý rủi ro dứt điểm đối với các khoản vay trên. Đồng thời chính sách xử lý tiếp theo đó là xóa nợ, giảm nợ, khoan nợ cần được vận dụng như chính sách miễn thuế. Cơ chế bù đắp của ngân sách Nhà nước cho ngân hàng cũng cần kịp thời để hạn chế những thiệt hại về tài chính cho chi nhánh.

3.2.2.3. Giải pháp về xử lý, thu hồi nợ xấu, nợ xử lý rủi ro

Thứ nhất: Xác định đúng thực trạng nợ xấu với các nguyên nhân phát sinh để đề ra các giải pháp, cơ chế xử lý nợ hợp lý.

Thứ hai: Ngân hàng chuyển nợ thành vốn góp, tiếp nhận quản lý, khôi phục hoạt động doanh nghiệp để trực tiếp kinh doanh; Chứng khoán hoá khoản nợ, chuyển nhượng khoản nợ trên thị trường.

Thứ ba: Tái đầu tư (cho vay) để con nợ có thể hoạt động hiệu quả từ đó ngân hàng có điều kiện thu hồi nợ xấu.

Thứ tư: NHTMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Đà Nẵng cần phải xây dựng một cơ chế thưởng hấp dẫn và xử phạt nghiêm minh trong việc thu hồi nợ tồn đọng, nợ xấu với tất cả các đối tượng

bao gồm cán bộ nhân viên ngân hàng cũng như các cá nhân và tổ chức khác có tham gia.

3.2.2.4. Thực hiện phương án xử lý dứt điểm các khoản nợ xấu

Thứ nhất, đẩy mạnh công tác thu hồi nợ trực tiếp từ con nợ. Để thực hiện được việc này đòi hỏi chi nhánh cần rà soát lại toàn bộ các khoản nợ, phân loại, đánh giá khả năng thu hồi để có được chính sách cho từng khách nợ.

Thứ hai, chủ động xử lý các tài sản bảo đảm nợ vay. Ngân hàng cần xác định, định giá tài sản đảm bảo trên các phương diện: tính sở hữu, tính pháp lý và giá trị luân chuyển trên thị trường của từng khoản nợ xấu có tài sản đảm bảo để lựa chọn hình thức xử lý phù hợp.

Thứ ba, đối với các khoản nợ xấu không có tài sản đảm bảo, ngân hàng cần nhanh chóng xác định khả năng trả nợ của khách hàng, khả năng thu nợ của ngân hàng đề ra các giải pháp xử lý thích hợp.

Thứ tư, với các con nợ làm ăn kém hiệu quả cần yêu cầu khách hàng sắp xếp lại doanh nghiệp, trường hợp doanh nghiệp sau khi sắp xếp lại mà không hoạt động hiệu quả, NHTMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Đà Nẵng cần chủ động khởi kiện ra Toà án đề nghị tuyên bố phá sản doanh nghiệp.

Thứ năm, đối với các khoản nợ mà Chính phủ, NHNN Việt Nam cho phép đánh giá lại giá trị khoản nợ, NHTMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Đà Nẵng cần nhanh chóng phối hợp với các đơn vị liên quan để đẩy nhanh quá trình đánh giá nợ.

3.3. KIẾN NGHỊ

3.3.1. Kiến nghị với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

3.3.2. Kiến nghị với NHTM Công thương Việt Nam

3.3.2.1. Xây dựng chiến lược kinh doanh thích hợp

3.3.2.2. Ứng dụng công nghệ ngân hàng hiện đại trong quản lý và theo dõi tín dụng

3.3.2.3. Tăng cường sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý nợ xấu theo các quy định của NHNNVN

3.3.2.4. Hoàn thiện và nâng cao năng lực cạnh tranh

KẾT LUẬN

Tình trạng nợ xấu chiếm tỷ trọng lớn và tồn tại lâu trong danh mục tài sản của hệ thống NHTM Việt Nam nói chung, của NHTMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Đà Nẵng nói riêng đã làm cho tình hình tài chính của các NHTM trở nên yếu kém, khả năng cạnh tranh giảm sút. Điều này càng trở nên đặc biệt quan trọng trong bối cảnh hiện nay khi Việt Nam đã và đang hội nhập với cộng đồng tài chính khu vực và quốc tế. Vì vậy, quản lý nợ xấu theo các thông lệ quốc tế nhằm phòng ngừa và xử lý khoản nợ xấu trở thành yêu cầu cấp thiết đối với các NHTM Việt Nam.

Trong phạm vi nghiên cứu, luận văn đưa ra những giải pháp cơ bản nhằm phòng ngừa và xử lý nợ xấu trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại. Với nội dung này, Luận văn đã hoàn thành các nhiệm vụ:

Thứ nhất, hệ thống hoá các lý luận chung về nợ xấu, quản lý nợ xấu của NHTM cũng như nguyên nhân phát sinh và biện pháp quản lý nợ xấu trong quá trình hoạt động của NHTM.

Thứ hai, từ việc nghiên cứu thực trạng về công tác phòng ngừa và xử lý nợ xấu tại NHTMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Đà Nẵng, qua đó đánh giá thực trạng hoạt động quản lý nợ xấu của chi nhánh trong thời gian qua, trên cơ sở đó phân tích các kết quả đạt được cũng như những vấn đề còn tồn tại, và nguyên nhân của những tồn tại trong việc quản lý nợ xấu của chi nhánh để có cơ sở xây dựng các giải pháp trong công tác quản lý nợ xấu.

Thứ ba, Luận văn đã xây dựng được những giải pháp để hoàn thiện tốt hơn công tác phòng ngừa và xử lý nợ xấu tại NHTMCP Công thương chi nhánh Đà Nẵng. Đồng thời, đưa ra các kiến nghị đối với NHNNVN, NHTMCP Công thương Việt Nam nhằm từng bước đưa hoạt động quản lý nợ xấu ngày càng hiệu quả.

Tuy nhiên, đây là một nội dung nghiên cứu khá phức tạp, với tầm nhìn, sự hiểu biết và khả năng của tác giả có hạn nên luận văn không tránh khỏi những khiếm khuyết. Tác giả rất mong nhận được sự quan tâm đóng góp ý kiến của các nhà khoa học, các Thầy giáo, Cô giáo, các chuyên gia, đồng nghiệp để có thể tiếp tục hoàn thiện đề tài nghiên cứu.

Để hoàn thành đề tài này, Tác giả xin được bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới PGS-TS **Lâm Chí Dũng** cùng các Thầy giáo, Cô giáo đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ hoàn thành luận văn này. Xin gửi lời cảm ơn tới Ban lãnh đạo NHTMCP Công thương chi nhánh Đà Nẵng, các đồng nghiệp đã tạo điều kiện cho tác giả được học hỏi, trao đổi kiến thức, kinh nghiệm và số liệu trong suốt thời gian học tập, nghiên cứu để hoàn thành đề tài.